



# BẢN TIN

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC  
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Thuế | Đầu tư | Ngân hàng | Tài chính doanh nghiệp | Kế toán | Khác

Số 99

Tháng 03/2009

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC cung cấp những thông tin mới nhất về thuế, đầu tư, ngân hàng v.v tại Việt Nam cho các khách hàng thường xuyên của AAC và bạn đọc khác có nhu cầu. Tài liệu này phát hành hàng tháng bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh, và gửi đến bạn đọc thông qua Bưu điện, Fax hoặc bằng E-mail.



## Từ viết tắt

BTC

*Bộ Tài chính*

BCT

*Bộ Công thương*

BLĐTBXH

*Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội*

BXD

*Bộ Xây dựng*

NHNN

*Ngân hàng Nhà nước*

TCT

*Tổng Cục thuế*

TCHQ

*Tổng Cục Hải quan*

Thuế GTGT

*Thuế Giá trị gia tăng*

Thuế TNDN

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

NĐ

*Nghị định*

TT

*Thông tư*

QĐ

*Quyết định*

CV

*Công văn*

## Nội dung

Phát hành ngày 02/04/2009

Trang

### Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

1. Thuế Giá trị gia tăng	2
- Các quy định chung	2
- Thuế suất	2
- Hoá đơn chứng từ	2
2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2-5
3. Thuế Thu nhập cá nhân	5-6
4. Thuế khác, phí, lệ phí	6-8
5. Xuất nhập khẩu	8-10
6. Kế toán tài chính	-
7. Lao động – Tiền lương	10
8. Ngân hàng	10-11
9. Xây dựng	11-12
10. Các quy định khác	12-15
<b>Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 03/2009</b>	15
<b>Danh mục các văn bản mới trong tháng 02 và tháng 03/2009</b>	15

## Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

### THUẾ GTGT

#### Quy định chung

##### Điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT

Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Các chứng từ sau đây không đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên theo quy định tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC:

- Chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.
- Chứng từ thanh toán theo các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

*(CV số 3046/BTC-TCT ngày 20/03/2009)*

#### Thuế suất

##### Thuế suất thuế GTGT của hoạt động nạo vét

Hoạt động nạo vét luồng, lạch, cảng sông, cảng biển trong tuỷ từng thời điểm mức thuế suất thuế GTGT được áp dụng như sau:

- Trước ngày 1/1/2009 áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5%.
- Từ ngày 1/1/2009 đến hết ngày 31/1/2009 áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%
- Từ ngày 1/2/2009 đến hết ngày 31/12/2009, hoạt động nạo vét luồng, lạch, cảng sông, cảng biển được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT. Việc tính giảm thuế GTGT và lập hoá đơn thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 13/2009/TT-BTC nêu trên.
- Từ 1/1/2010 áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

*(CV số 701/TCT-CS ngày 04/03/2009)*

#### Hóa đơn chứng từ

##### Lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện giảm thuế GTGT:

Tại Điều 2 Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn giảm thuế GTGT đối với một số hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn quy định: "Khi lập hoá đơn bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện giảm thuế suất thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư này, tại dòng thuế suất thuế GTGT ghi "10% x 50% "; tiền thuế GTGT, tổng số tiền người mua phải thanh toán."

Trường hợp Công ty kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc diện được giảm thuế GTGT thì khi lập hoá đơn phải thực hiện ghi thuế suất thuế GTGT đúng theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2009/TT-BTC nêu trên. Nếu phần mềm máy tính đang sử dụng để lập hoá đơn không đáp ứng việc ghi thuế suất theo quy định trên thì người lập hoá đơn phải ghi tay bổ sung vào chỉ tiêu thuế suất thuế GTGT để đảm bảo đúng quy định. *(CV số 776/TCT-CS ngày 09/03/2009)*

### THUẾ TNDN

##### Thuế thu nhập đối với hoạt động chuyển quyền thuê đất trong KCN, KCX

Căn cứ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 12/12/2003, Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN thì:

1. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh phát triển hạ tầng KCN được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sau đó cho thuê lại đất đã phát triển hạ tầng trong KCN, KCX, KCNC theo giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư nhưng các doanh nghiệp này không thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo giấy phép đã cấp và đã chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất, quyền thuê đất cho đơn vị khác để các doanh nghiệp này tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng và cho thuê tại đây là hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất và phải thực hiện nộp thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất và không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập này.
2. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh phát triển hạ tầng KCN được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư và các doanh nghiệp này đã thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo giấy phép đã cấp sau đó cho các doanh nghiệp khác trong KCN, KCX, KCNC thuê lại đất đã phát triển hạ tầng, trong hợp đồng cho thuê lại đất gắn

với cơ sở hạ tầng ghi rõ quyền, trách nhiệm của bên cho thuê, bên thuê thì toàn bộ thu nhập từ hoạt động này là thu nhập từ hoạt động kinh doanh phát triển hạ tầng và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh phát triển hạ tầng KCN đang trong thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có cho thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng và thu tiền một lần cho nhiều năm, nếu doanh nghiệp lựa chọn phương pháp xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế tính vào một năm trên toàn bộ số tiền thuê bên thuê trả trước cho nhiều năm thì số lãi phát sinh của hoạt động này là số lãi của nhiều năm, do vậy khi xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi của từng năm miễn thuế, giảm thuế thì doanh nghiệp phải căn cứ vào tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp của số năm thu tiền trước chia (:) cho số năm bên thuê trả tiền trước.

3. Từ ngày 1/1/2009, các doanh nghiệp kinh doanh phát triển hạ tầng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để đầu tư phát triển hạ tầng sau đó cho các DN khác trong KCN, KCX thuê lại đất đã phát triển hạ tầng thì thực hiện nộp thuế thu nhập theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN.

**(CV số 4125/BTC-TCT ngày 23/03/2009)**

**Chính sách thuế đối với khoản lãi cho vay của cá nhân:**

Từ ngày 31/12/2008 trở về trước: nếu cá nhân chỉ có thu nhập từ lãi tiền cho vay tạm thời chưa thu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Trường hợp cá nhân kinh doanh (có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ) nếu có thu nhập từ lãi tiền cho vay thì phải cộng khoản thu nhập này vào thu nhập chung của kinh doanh để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Từ năm 2008, đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay thực hiện theo quy định của Luật thuế TNCN. Đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay phát sinh từ 01/01/2009 đến hết ngày 31/05/2009 thuộc đối tượng được giãn thời hạn nộp thuế TNCN theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2009/TT-BTC.

**(CV số 735/TCT-TNCN ngày 05/03/2009)**

**Lập quỹ dự phòng tiền lương khi xác định thu nhập chịu thuế:** Ngày 23/11/2007, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 134/2007/TT-BTC về thuế thu nhập doanh nghiệp trong đó tại tiết a, điểm 2.3, mục III Phần B có hướng dẫn: Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: "Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC thì các khoản tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động thực tế có chi trả thì được hạch toán vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế, các khoản tiền lương, tiền công chưa chi thì sẽ không được hạch toán vào chi phí khi tính thuế TNDN.

Theo Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH ngày 5/1/2005 của Bộ LĐTBXH về quản lý lao động, tiền lương và thu nhập trong các công ty Nhà nước thì: Công ty được trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn và không được sử dụng vào mục đích khác. Mức dự phòng hàng năm do Tổng giám đốc, Giám đốc quyết định sau khi có ý kiến của Ban chấp hành công đoàn công ty nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện.

Để đảm bảo cho các doanh nghiệp có nguồn để trả cho người lao động vào năm sau nếu gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh đồng thời phù hợp với chính sách tiền lương, ngày 26/12/2008, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 130/2008/TT-BTC về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2009 trong đó đã sửa nội dung về chi phí tiền lương như sau: Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: "Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn và không được sử dụng vào mục đích khác. Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện".

Trường hợp trong năm 2007, năm 2008 các Công ty Nhà nước đã trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn và không được sử dụng vào mục đích khác theo quy định của Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH thì khoản dự phòng này sẽ được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

**(CV số 2349/BTC-TCT ngày 03/03/2009)**

**Ưu đãi thuế TNDN:** Tại CV số 2348/BTC-TCT ngày 03/03/2009, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số nội dung về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, như sau:

1. Đối với các doanh nghiệp bị chấm dứt ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về sử dụng nguyên liệu trong nước, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu của hoạt động dệt, may:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ; điểm 9 Phần H Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính thì:

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt may, doanh nghiệp được hưởng ưu đãi do sử dụng nguyên liệu trong nước nếu đáp ứng các điều kiện ưu đãi khác về thuế thu nhập doanh nghiệp (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) như: sản xuất trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất; thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi

đầu tư; sử dụng nhiều lao động ... thì tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với các điều kiện doanh nghiệp đã đáp ứng cho thời gian ưu đãi còn lại. Doanh nghiệp được phép lựa chọn phương án để tiếp tục được ưu đãi thuế và thông báo với cơ quan thuế theo một trong hai phương án sau:

Phương án 1: Được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với các điều kiện doanh nghiệp đáp ứng (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) cho thời gian ưu đãi còn lại theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm được cấp Giấy phép thành lập.

Phương án 2: Được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với các điều kiện doanh nghiệp đáp ứng (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) cho thời gian ưu đãi còn lại theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm điều chỉnh do cam kết WTO (ngày 11/1/2007).

Việc áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại nêu trên phải đảm bảo nguyên tắc doanh nghiệp đang trong thời gian được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi, đang trong thời gian miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn tại điểm 5, điểm 6 Phần H Thông tư số 134/2007/TT-BTC.

2. Đối với các doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu (trừ hoạt động dệt may) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu đến hết năm 2011.

Từ năm 2012, doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, nếu đáp ứng các điều kiện ưu đãi khác về thuế thu nhập doanh nghiệp (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng tỷ lệ xuất khẩu) thì được lựa chọn và thông báo với cơ quan thuế hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại tương ứng với các điều kiện thực tế doanh nghiệp đáp ứng ưu đãi đầu tư theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm được cấp Giấy phép thành lập hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm điều chỉnh do cam kết WTO (hết năm 2011).

Việc áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại nêu trên phải đảm bảo nguyên tắc doanh nghiệp đang trong thời gian được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi, đang trong thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Về thủ tục ưu đãi đầu tư: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 38 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư căn cứ vào các mức ưu đãi và điều kiện ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật để tự xác định mức ưu đãi và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan có thẩm quyền. Trong trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu xác nhận ưu đãi đầu tư thì làm thủ tục đăng ký đầu tư để cơ quan Nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư, ngược lại nếu nhà đầu tư không có yêu cầu xác nhận ưu đãi đầu tư thì không cần phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép đầu tư.

***(CV số 2348/BTC-TCT ngày 03/03/2009)***

**Chính sách thuế đối với văn phòng luật sư:** Văn phòng luật sư do một luật sư thành lập được áp dụng chính sách thuế đối với doanh nghiệp tư nhân nên thuộc đối tượng nộp thuế TNDN. Tiền lương của chủ doanh nghiệp (Trưởng văn phòng luật sư) không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Sau khi văn phòng luật sư nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập còn lại thuộc về Trưởng văn phòng và Trưởng văn phòng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập còn lại này. Trưởng văn phòng chỉ phải nộp thuế TNCN đối với các khoản thu nhập không liên quan đến hoạt động của văn phòng luật sư như thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ thừa kế, quà tặng.

***(CV số 561/TCT-TNCN ngày 19/02/2009)***

**Xử lý thuế đối với khoản tiền đặt cọc vỏ bình ga:**

1. Phân bổ chi phí đối với vỏ bình ga khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

Vỏ bình ga của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ga loại có giá trị dưới 10 triệu đồng/vỏ được coi là công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện phương thức hạch toán phân bổ chi phí như sau: thời gian phân bổ giá trị đối với các loại vỏ bình đựng ga loại có giá trị dưới 10 triệu đồng/vỏ tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh tối đa là 05 năm. Trường hợp các vỏ bình ga đã tiến hành phân bổ mà thời gian phân bổ còn lại dưới 05 năm thì tiếp tục phân bổ tiếp cho số năm còn lại nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc phân bổ hết giá trị vỏ bình ga tối đa trong 05 năm. Trường hợp các vỏ bình ga đã tiến hành phân bổ mà thời gian phân bổ còn lại lớn hơn 05 năm thì doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh số năm phân bổ còn lại, đảm bảo thời gian phân bổ còn lại tối đa không quá 05 năm.

2. Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với vỏ bình ga và phương thức kết chuyển thu nhập khác:

- Trường hợp bán vỏ bình ga: các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ga và các cơ sở kinh doanh vỏ bình ga khi thực hiện bán vỏ bình ga phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng, tính thuế giá trị gia tăng, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với vỏ bình ga bán ra như các loại hàng hóa khác.

- Trường hợp cho thuê vỏ bình ga: các đơn vị kinh doanh bán ga nhưng thực hiện phương thức cho khách hàng thuê vỏ bình ga, phải có hợp đồng cụ thể giữa bên cho thuê và bên thuê, trong hợp đồng phải quy định cụ thể các điều khoản: thời gian cho thuê, số lượng vỏ bình ga cho thuê, giá trị, tiền đặt cọc, chi phí phải trả định kỳ về thuê vỏ bình ga... số tiền thu được từ việc cho thuê vỏ bình ga, đơn vị phải hạch toán vào doanh thu và phải nộp thuế

giá trị gia tăng đối với doanh thu này. Trường hợp số tiền thuê vỏ bình ga được tính trừ vào số tiền đặt cọc vỏ bình ga thì bên cho thuê phải kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu từ hoạt động cho thuê vỏ bình ga. Khoản tiền đặt cọc từ việc cho thuê vỏ bình ga phải theo dõi riêng, không tính vào doanh thu hay thu nhập.

- Ngoài các trường hợp bán và cho thuê vỏ bình ga nói trên, các trường hợp cho mượn có thu tiền đặt cọc, ký cược vỏ bình, kể cả trường hợp có phiếu cam kết trả lại tiền khi khách hàng trả lại vỏ bình, thì xác định thu nhập và chi phí để tính thuế TNDN như sau: khi các công ty sản xuất và kinh doanh ga, các đại lý bán ga (đơn vị sở hữu vỏ bình ga) nhận tiền ký cược, đặt cọc vỏ bình ga của khách hàng, các đơn vị hạch toán khoản tiền ký cược, đặt cọc vỏ bình ga vào tài khoản theo dõi tiền đặt cọc. Khi thực hiện phân bổ hết chi phí đối với giá trị vỏ bình ga (tối đa 05 năm như hướng dẫn tại Điểm 1 công văn này), đơn vị phải kết chuyển toàn bộ khoản tiền đặt cọc không phải trả lại khách hàng vào thu nhập khác khi xác định thuế TNDN.

Khi thanh lý các hợp đồng cho thuê, cho mượn vỏ bình ga (có thu tiền đặt cọc), sau khi trừ đi các chi phí phát sinh có liên quan, đơn vị sở hữu vỏ bình ga hạch toán khoản tiền thu được hoặc phải trả từ việc thanh lý hợp đồng cho thuê, cho mượn vỏ bình vào thu nhập (hoặc chi phí phát sinh trong kỳ) khi xác định thuế TNDN. Trường hợp phát sinh phải trả lại tiền đặt cọc cho khách hàng trong khi chưa thực hiện phân bổ hết thì đơn vị thực hiện trích từ khoản tiền đặt cọc của khách hàng (trước khi kết chuyển thu nhập khác).

Đối với trường hợp tiền đặt cọc, ký cược vỏ bình đã thu được nhưng đơn vị chưa hạch toán doanh thu, thu nhập, chi phí qua nhiều năm mà còn treo nguyên tại tài khoản tiền đặt cọc thì được xử lý như sau:

- Đối với tiền đặt cọc, đặt cược của vỏ bình phát sinh trong 05 năm kể từ ngày công văn này có hiệu lực về trước thì thực hiện kê khai doanh thu, thu nhập, chi phí theo hướng dẫn trên.

- Đối với số tiền từ phát sinh từ năm thứ 06 trở về trước được hạch toán toàn bộ vào thu nhập và kê khai thuế TNDN theo quy định.

*(CV số 1484/BTC-TCT ngày 10/02/2009)*

## THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng: Đối với trúng thưởng trong các hình thức các cược, casino là toàn bộ giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà người tham gia nhận được chưa trừ bất cứ một khoản chi phí nào.

Như vậy, trường hợp cá nhân trúng thưởng từ các trò chơi điện tử thì thu nhập tính thuế thu nhập cá nhân là toàn bộ số tiền thưởng vượt trên 10 triệu đồng (không tính trên chênh lệch giữa số tiền nạp vào máy (key in) với số tiền khách được lấy lại (pay out/cash out)) và không được trừ các khoản chi phí mà cá nhân đã bỏ ra để tham gia trò chơi.

*(CV số 827/TCT-TNCN ngày 11/03/2009)*

### Giãn thời hạn nộp thuế TNCN:

1. Về đối tượng được giãn thời hạn nộp thuế TNCN:

a) Đối với trường hợp người lao động nhận lương không bao gồm thuế TNCN (lương NET), đơn vị chi trả thu nhập có trách nhiệm nộp thuế TNCN thay cho người lao động và trường hợp cho thuê nhà, tài sản bên cho thuê nhận tiền thuê không bao gồm thuế (thuế GTGT, thuế TNCN), bên đi thuê có trách nhiệm khai, nộp thuế thay bên cho thuê thì số thuế TNCN đơn vị chi trả thu nhập và bên đi thuê tài sản nộp thay cũng thuộc đối tượng được giãn nộp thuế TNCN.

b) Đối với các trường hợp cá nhân có hợp đồng cho thuê nhà, tài sản, trong hợp đồng ghi rõ thời điểm thanh toán từ 01/01/2009 đến 31/5/2009 và thực tế thanh toán đúng thời gian thì toàn bộ thu nhập phát sinh theo doanh thu thực tế thanh toán được giãn thời hạn nộp thuế.

c) Đối với cá nhân là người nước ngoài rời Việt Nam trước ngày 30/06/2009 sẽ không được giãn thời hạn nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh; từ tiền lương, tiền công; từ chuyển nhượng bất động sản; từ trúng thưởng; từ nhận thừa kế; từ nhận quà tặng không phân biệt người nước ngoài đó là cá nhân cư trú hay cá nhân không cư trú.

2. Về hồ sơ hoàn thuế TNCN thuộc đối tượng được giãn nộp nhưng đã nộp vào NSNN:

Tại điểm 3.b công văn 1823/BTC-TCT của Bộ Tài chính hướng dẫn các đơn vị chi trả thu nhập, cá nhân nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan thuế trực tiếp quản lý hoàn trả tiền thuế được giãn nhưng đã nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mẫu số 01/HTBT ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính, nay thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.

3. Tại công văn số 1823/BTC-TCT nêu trên có hướng dẫn cá nhân khi nhận lại tiền thuế phải ký xác nhận, trường hợp đơn vị chi trả thu nhập chuyển trả tiền được giãn qua ngân hàng thì không cần ký xác nhận, chứng từ chuyển tiền sẽ là căn cứ xác nhận việc thoái trả tiền thuế.

*(CV số 807/TCT-TNCN ngày 10/03/2009)*

### Hướng dẫn khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với đại lý xổ số và người trúng thưởng xổ số

Về nội dung trên, ngày 09/03/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/2009/TT-BTC. Theo đó, Công ty xổ số kiến thiết có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN của đại lý xổ số với tỷ lệ tạm thu trên thu nhập trả cho

Cá nhân trúng thưởng xổ số các giải thưởng có giá trị trên 10 triệu đồng trên 01 vé xổ số thuộc đối tượng phải nộp thuế thu nhập cá nhân và thu nhập tính thuế là phần giá trị giải thưởng của từng vé xổ số vượt trên 10 triệu đồng mà cá nhân trúng thưởng nhận được.

Công ty xổ số kiến thiết có trách nhiệm cấp chứng từ khấu trừ cho đại lý xổ số theo đề nghị của đại lý xổ số và khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân trúng thưởng xổ số có giá trị trên 10 triệu đồng theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 23/04/2009 và áp dụng đối với thu nhập của đại lý xổ số từ ngày 01/01/2009

Thuế TNCN đối với các khoản thu nhập có nguồn gốc phát sinh năm 2008: Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: Thu nhập từ tiền lương, tiền công, tiền thưởng... có nguồn gốc phát sinh từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2008 nhưng được chi trả sau ngày 01/01/2009 được áp dụng tính và nộp thuế theo Luật thuế TNCN. Đơn vị chi trả có thu nhập có trách nhiệm tính số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ, đồng thời thực hiện việc tạm giãn nộp thuế từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/5/2009 theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giãn thời hạn nộp thuế TNCN.

Trường hợp, trước ngày ban hành văn bản này, nếu đơn vị chi trả thu nhập đã tính và khấu trừ thuế theo Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 2008 được điều chỉnh lại theo hướng dẫn tại văn bản này để người nộp thuế được hưởng ưu đãi về giãn thời hạn nộp thuế.

Trường hợp đơn vị chi trả thu nhập đã khấu trừ thuế nhưng chưa nộp ngân sách Nhà nước hoặc đã nộp tiền thuế vào ngân sách Nhà nước, thì cơ quan chi trả thu nhập, cơ quan thuế thực hiện hoàn trả lại tiền thuế cho người nộp thuế, thủ tục hoàn trả thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3 công văn số 1823/BTC-TCT ngày 18/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc triển khai giãn nộp thuế TNCN

*(CV số 706/TCT-TNCN ngày 04/03/2009)*

## **THUẾ KHÁC, PHÍ, LỆ PHÍ**

Thực hiện Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008

Tại Phần C Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định: "Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng từ 01/01/2009, thay thế cho Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam, Thông tư số 16/1999/TT-BTC ngày 04/02/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế cước đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu biển của các hãng vận tải nước ngoài vào Việt Nam khai thác vận tải".

Trường hợp các Hợp đồng thầu, Hợp đồng thầu phụ đã được ký kết trước ngày Thông tư số 134/2008/TT-BTC có hiệu lực thì việc xác định nghĩa vụ thuế GTGT, thuế TNDN tiếp tục thực hiện như hướng dẫn tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/1/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Riêng đối với những hợp đồng thầu thuộc lĩnh vực vận tải hàng không, vận tải biển (đang thực hiện nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 16/1999/TT-BTC), chuyển phát quốc tế và giao nhận kho vận quốc tế thực hiện nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC kể từ ngày Thông tư số 134/2008/TT-BTC có hiệu lực thi hành.

*(CV số 2665/BTC-TCT ngày 10/03/2009)*

Hướng dẫn thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

Ngày 16/3/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2009/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Theo đó, Chính phủ quy định cụ thể về các nhóm hàng chịu thuế và không chịu thuế TTĐB, giá tính thuế TTĐB, thuế suất và khấu trừ thuế.

Đối với hàng sản xuất trong nước, trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB bán hàng qua các cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá do cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc bán ra. Cơ sở sản xuất bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá do cơ sở quy định và chỉ hưởng hoa hồng thì giá làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là giá bán do cơ sở sản xuất quy định chưa trừ hoa hồng. Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB bán hàng qua các cơ sở kinh doanh thương mại thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 10% so với giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất thấp hơn 10% so với giá cơ sở kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế TTĐB là giá do cơ quan thuế ấn định.

Đối với hàng hoá sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hoá, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của cơ sở sở hữu thương hiệu hàng hoá, công nghệ sản xuất.

Theo biểu thuế TTĐB quy định tại Điều 7 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt thì xe ô tô loại thiết kế vừa chở người (điểm 4d, 4g) vừa chở hàng được xác định là loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng; xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học hoặc điện quy định tại điểm 4đ là loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất có tỷ lệ xăng pha trộn không quá 70% tổng số nhiên liệu sử dụng và loại xe kết hợp động cơ điện với động cơ xăng (xe hybrid) có tỷ lệ xăng sử dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất không quá 70% số năng lượng sử dụng so với loại xe chạy xăng tiết kiệm nhất, có cùng số chỗ ngồi và cùng dung tích xi lanh có mặt trên thị trường Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2009; các quy định về thuế TTĐB tại Nghị định này áp dụng đối với rượu, bia có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2010. Nghị định này thay thế Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 04/12/2003 và điều 1 Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005.

#### [Quy chế thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế](#)

Về nội dung trên, ngày 17/02/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 316/QĐ-BTC. Theo đó, đối tượng dự thi là người Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam từ 01 năm trở lên. Ngoài các điều kiện thông thường quy định tại Quyết định này, để thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục thuế, đối tượng dự thi phải có bằng cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật và đã có thời gian làm việc từ hai năm trở lên trong lĩnh vực này.

Nội dung thi bao gồm 02 môn thi, Pháp luật về thuế và Kế toán (tương đương trình độ trung cấp). Kết quả đạt yêu cầu để cấp chứng chỉ là 2 môn thi phải đạt số điểm từ 5/10 trở lên hoặc đạt 1 môn thi trong trường hợp được miễn 1 môn thi còn lại. Người dự thi chưa dự thi đủ các môn thi hoặc có môn thi chưa đạt yêu cầu thì được bảo lưu điểm môn thi đạt yêu cầu trong thời hạn 3 năm tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận điểm thi.

Người đăng ký dự thi đã có Chứng chỉ hành nghề kế toán, Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp hoặc có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, đã từng làm việc trong lĩnh vực kế toán liên tục từ 05 năm trở lên trong các tổ chức như cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị... thì được miễn môn thi kế toán.

Công chức thuế có ngạch công chức từ chuyên viên thuế, kiểm soát viên thuế, thanh tra viên thuế trở lên và có thời gian công tác trong ngành thuế từ 5 năm trở lên, nếu sau khi thôi công tác trong ngành thuế mà đăng ký dự thi để lấy Chứng chỉ hành nghề dịch vụ trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc thì được miễn môn thi pháp luật về thuế.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/02/2009 và được áp dụng đối với việc tổ chức thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Tổng cục Thuế tổ chức.

#### [Hướng dẫn thực hiện quy định về thuế trong lĩnh vực dầu khí](#)

Ngày 19/02/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2009/TT- BTC, hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các tổ chức, cá nhân, tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí.

Theo đó, giá tính thuế dầu thô không được bán theo hợp đồng giao dịch song phẳng được xác định bằng giá bán trung bình cộng của dầu thô cùng loại trên thị trường quốc tế của 3 tuần liên tục: tuần trước, tuần bán và tuần tiếp theo tuần bán đầu thô; đối với khí thiên nhiên không được bán theo hợp đồng giao dịch song phẳng, giá tính thuế là giá bán khí thiên nhiên cùng loại trên thị trường, tại địa điểm giao nhận và các yếu tố liên quan khác.

Thuế tài nguyên đối với dầu thô, khí thiên nhiên được xác định trên cơ sở lũy tiến từng phần của tổng sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên thực khai thác trong mỗi kỳ nộp thuế tính theo sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên bình quân mỗi ngày khai thác được của hợp đồng dầu khí, thuế suất thuế tài nguyên và số ngày khai thác trong kỳ tính thuế.

Thuế tài nguyên được nộp bằng dầu thô, khí thiên nhiên hoặc bằng tiền; hoặc bằng cả hai phương thức trên. Nếu nộp thuế bằng dầu thô hoặc khí thiên nhiên, thuế tài nguyên phải nộp được xác định bằng sản lượng dầu thô/khí thiên nhiên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế nhân (x) thuế suất thuế tài nguyên nhân (x) Số ngày khai thác trong kỳ tính thuế

Người nộp thuế thực hiện khai, nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành. Thuế xuất khẩu phải nộp được xác định bằng số lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất khẩu nhân (x) với giá tính thuế nhân (x) với tỷ lệ thuế xuất khẩu.

Về thuế thu nhập doanh nghiệp, người nộp thuế được trừ vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đảm bảo khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu thô, khí thiên nhiên nhưng không vượt quá số chi phí được xác định bằng doanh thu bán dầu thô, khí thiên nhiên nhân (x) với tỷ lệ chi phí thu hồi thỏa thuận tại hợp đồng dầu khí. Trường hợp tại hợp đồng dầu khí không có thỏa thuận về tỷ lệ thu hồi chi phí thì tỷ lệ chi phí thu hồi để làm căn cứ xác định chi phí được trừ là 35%. Ngoài ra, người nộp thuế phải đảm bảo khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo qui định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 05/04/2009, thay thế Thông tư số 48/2001/TT- BTC ngày 25/06/2001. Quy định trên áp dụng đối với kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2009 trở đi và áp dụng đối với việc nộp thuế tài nguyên của các hợp đồng dầu khí được ký kể từ 19/01/2009 (ngày Nghị định số 05/2009/NĐ-CP có hiệu lực).

## **XUẤT NHẬP KHẨU**

### Điều chỉnh thuế nhập khẩu một số mặt hàng sắt, thép

Ngày 25/3/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 58/2009/TT-BTC, điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng sắt thép trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, thuế nhập khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm 72.07 - Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng bán thành phẩm, có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng được điều chỉnh từ 5% lên 8%.

Thuế nhập khẩu các mặt hàng khác thuộc nhóm 72.09 cũng được điều chỉnh lên 8% như các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ, mạ hoặc tráng; ở dạng cuộn, không được gia công quá mức cán nguội (ép nguội): Có chiều dày từ 0,5mm đến 1mm, 1mm đến dưới 3mm và từ 3mm trở lên; có chiều dày dưới 0,5mm và có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng và chiều dày không quá 0,17 mm ...

Một số mặt hàng thuộc nhóm 7210 - các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng có chiều dày không quá 1,2 mm được điều chỉnh mức thuế nhập khẩu lên 13%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 01/04/2009.

### Điều chỉnh thuế nhập khẩu của một số mặt hàng thực phẩm

Ngày 17/03/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 52/2009/TT-BTC về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, thuế nhập khẩu một số loại thực phẩm, chủ yếu thịt đông lạnh, tiếp tục được nâng cao. Cụ thể, thuế nhập khẩu thịt trâu, bò, tươi hoặc ướp lạnh được nâng lên, với mức cao nhất là 33% dành cho nhóm sản phẩm thịt cả con và nửa con không đầu, 20% với loại thịt pha có cả xương. Thịt trâu bò thuộc loại đông lạnh áp mức thuế mới là 20%.

Đối với thịt lợn tươi hoặc ướp lạnh, mức thuế cũng được điều chỉnh cho mặt hàng thịt cả con và nửa con không đầu, thịt mỡ, thịt vai và các mảng của chúng có xương, loại khác là 28% (tăng 1% so với hiện hành).

Cũng theo quyết định này, thuế suất nhập khẩu đối với Whey - một loại phụ liệu dùng trong chế biến sữa, thức ăn cho người và động vật đã được hạ xuống 0% thay cho mức 2% hiện hành.

Một số loại rau đậu khô thuộc nhóm 0713 như đậu Hà Lan dùng làm thức ăn cho động vật, đậu đỏ, đậu lăng... được áp mức thuế nhập khẩu mới là 10% Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### Các ưu đãi đầu tư đối với khu kinh tế cửa khẩu

Ngày 02/03/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg, ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK).

Theo đó, các doanh nghiệp thành lập mới từ dự án vào KKTCK được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN, cụ thể được áp dụng thuế suất thuế ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm; miễn thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo... Người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại KKTCK, có thu nhập từ việc làm tại KKTCK thuộc diện chịu thuế TNCN được giảm 50% số thuế phải nộp.

Bên cạnh đó, hàng hoá, dịch vụ sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc KKTCK cũng được hưởng những ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Cụ thể, hàng hoá, dịch vụ sản xuất được tiêu thụ, nhập khẩu từ nước ngoài hoặc xuất khẩu ra nước ngoài từ khu phi thuế quan thuộc KKTCK thuộc diện không chịu thuế GTGT. Các hàng hoá, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong KKTCK và hàng hoá, dịch vụ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 0%.

Hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc KKTCK hoặc nhập khẩu từ nước ngoài và từ nội địa Việt Nam vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ ô tô dưới 24 chỗ ngồi phải nộp thuế theo quy định. Ngoài ra, hàng hoá từ khu phi thuế quan thuộc KKTCK xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu thuộc diện chịu thuế).

Hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc KKTCK và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hoá đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác không phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...

Ngoài ra, dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư còn được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước; dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư thì được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các dự án khác thì được miễn tiền thuê đất 11 năm... Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/05/2009.

**Không thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O):** Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1131/VPCP- KTTH về việc không thu phí cấp C/O, ngày 26/02/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 37/2009/TT-BTC hướng dẫn nội dung trên.

Theo đó, Bộ Tài chính quy định không thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) (các mẫu A, D, E, S, AK, giấy chứng nhận Kimberley và các loại C/O khác) đối với các sản phẩm xuất khẩu kể từ ngày 01/03/2009.

Việc cấp mới C/O theo quy định trước đây chịu mức phí là 50.000 đồng/giấy và cấp lại là 10.000 đồng/giấy.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 26/02/2009, bãi bỏ Quyết định số 50/2008/QĐ- BTC ngày 11/07/2008 và Quyết định số 75/2008/QĐ-BTC ngày 10/9/2008.

**Điều chỉnh thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các linh kiện, phụ tùng ô tô:** Ngày 27/02/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 38/2009/TT-BTC, điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các linh kiện, phụ tùng ô tô trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, thuế suất thuế nhập khẩu của mặt hàng thuộc nhóm 8407, động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay tròn, đốt cháy bằng tia lửa điện, dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 1.000 cc; dùng cho xe loại khác và xe chở người dưới 16 chỗ, chưa lắp ráp hoàn chỉnh hoặc dung tích xi lanh trên 1000 cc; dùng cho xe loại khác, chưa lắp ráp giảm từ 23% xuống 20%.

Thuế suất thuế nhập khẩu nhóm 84.08, động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel), loại dùng cho xe vận tải hàng hoá khác và xe chở người từ 16 chỗ trở lên được điều chỉnh hạ từ 22% xuống còn 20%.

Thuế nhập khẩu các bộ phận chi dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.09 giảm 5%, từ 20% xuống 15%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai Hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 09/03/2009.

**Tăng thuế nhập khẩu một số mặt hàng sữa:** Ngày 03/03/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 39/2009/TT-BTC, sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, Bộ Tài chính điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số nhóm mặt hàng sữa (trừ sữa bột) thuộc nhóm 04.01 và 04.02.

Cụ thể, sữa và kem, chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác có hàm lượng chất béo không quá 1%, trên 1% đến 6%, trên 6% tính theo trọng lượng có mức thuế suất thuế nhập khẩu là 15%, thay cho mức hiện hành là 5%.

Mặt hàng sữa và kem, cô đặc hoặc đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác thuộc phân nhóm 0402.91.00.00 tăng mức thuế nhập khẩu từ 3% lên 10%; thuộc phân nhóm 0402.99.00.00 tăng mức thuế nhập khẩu lên 20%.

Thông tư này có hiệu lực và áp dụng cho các Tờ khai Hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 09/3/2009

#### **Giảm thuế nhập khẩu một số mặt hàng xăng, dầu**

Ngày 19/02/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 33/2009/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, mức thuế nhập khẩu của các loại xăng động cơ có pha chì, không pha chì, loại cao cấp, loại thông dụng, xăng máy bay, Tetrapropylene, dung môi trắng, Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng ... được điều chỉnh từ mức 25% xuống mức 20%.

Mức thuế nhập khẩu ưu đãi áp dụng với nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23oC và từ 23oC trở lên cũng được điều chỉnh xuống còn 25%.

Mức thuế suất mới được áp dụng đối với các tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 23/02/2009. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký, bãi bỏ Thông tư số 24/2009/TT-BTC ngày 05/02/2009, Thông tư số 30/2009/TT-BTC ngày 11/02/2009

**Công bố hạn ngạch thuế quan 03 mặt hàng nhập khẩu được hưởng ưu đãi thuế suất 0% có xuất xứ từ Lào:** Ngày 20/02/2009, Bộ Công thương ban hành Thông tư số 04/2009/TT-BCT, hướng dẫn việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào.

Theo đó, áp dụng hạn ngạch thuế quan năm 2009 đối với ba nhóm mặt hàng nhập khẩu có xuất xứ từ Lào gồm thóc và gạo các loại, lá và cọng thuốc lá, phụ kiện mô tô được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0%. Thuế suất 0% được áp dụng đối với các tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan từ ngày 01/01/2009.

Mức hạn ngạch được quy định cụ thể như sau: mặt hàng thóc và gạo các loại là 40.000 tấn quy ra gạo với tỷ lệ quy đổi 2 thóc = 1,2 gạo; mặt hàng lá và cọng thuốc lá là 3000 tấn và phụ kiện ô tô là 600.000 USD theo giá giao tại xưởng. Các hàng hoá nhập khẩu nêu trên phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O mẫu S) do cơ

quan thẩm quyền của CHDCND Lào cấp và được thông quan qua các cặp cửa khẩu theo phụ lục kèm theo Thông tư này.

Đối với lá và cọng thuốc lá, chỉ những thương nhân có giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công thương cấp theo quy định hiện hành mới được phép nhập khẩu. Số lượng nhập khẩu tính trừ vào hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Công thương cấp.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06/04/2009 và hết hiệu lực sau ngày 31/12/2009.

## LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

### Hỗ trợ người lao động mất việc làm

Ngày 23/02/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 30/2009/QĐ- TTg, hỗ trợ đối với người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế.

Theo đó, doanh nghiệp gặp khó khăn trong năm 2009 do suy giảm kinh tế chưa có khả năng thanh toán tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội và tiền trợ cấp mất việc hoặc trợ cấp thôi việc theo quy định cho người lao động mất việc thì được Nhà nước cho vay để thanh toán với mức lãi suất là 0% trong thời hạn tối đa 12 tháng. Mức vay tối đa bằng số kinh phí để thanh toán nợ tiền lương, đóng bảo hiểm và trợ cấp mất việc hoặc trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động mất việc làm.

Chính sách này được áp dụng đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn phải giảm số lao động hiện có từ 30% trở lên hoặc từ 100 lao động trở lên (không kể lao động thời vụ có kỳ hạn dưới 3 tháng) và sau khi đã sử dụng các nguồn của doanh nghiệp mà vẫn chưa có khả năng thanh toán tiền lương, đóng BHXH và tiền trợ cấp mất việc hoặc trợ cấp thôi việc cho số lao động đã giảm.

Đối với người lao động bị mất việc làm tại doanh nghiệp mà chủ doanh nghiệp bỏ trốn trong năm 2009 thì UBND cấp tỉnh ứng ngân sách địa phương trả cho người lao động có trong danh sách trả lương của doanh nghiệp khoản tiền lương mà doanh nghiệp còn nợ. Nguồn tạm ứng từ ngân sách địa phương được hoàn trả từ nguồn thu khi thực hiện xử lý tài sản của doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Nếu nguồn tài chính của địa phương không đủ để xử lý thì địa phương có báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, người lao động bị mất việc làm trong các trường hợp trên, kể cả người lao động đi làm việc tại nước ngoài phải về nước trước thời hạn do doanh nghiệp nước sở tại gặp khó khăn sẽ được vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm; học nghề hoặc vay vốn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày người lao động bị mất việc làm hoặc ngày lao động phải về nước.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23/02/2009.

## NGÂN HÀNG

### Điều chỉnh biên độ tỷ giá VND/USD và quy định mức lãi suất cơ bản bằng Đồng Việt Nam

Ngày 23/03/2009, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ký quyết định số 622/QĐ- NHNN, ban hành một số quy định liên quan đến giao dịch ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

Theo đó, các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối ấn định tỷ giá mua và tỷ giá bán giao ngay của VND so với USD không được phép vượt qua biên độ +/- 5%, thay cho mức +/-3% theo quy định hiện hành, so với tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng áp dụng cho ngày giao dịch do Ngân hàng Nhà nước thông báo.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối ấn định tỷ giá mua, tỷ giá bán giao ngay (SPOT) của Đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác.

Chênh lệch giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán do Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối ấn định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24/3/2009 và thay thế Quyết định số 2635/QĐ-NHNN ngày 6/11/2008

Tiếp đó, ngày 24/3/2009, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 626/QĐ-NHNN, quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Theo đó, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam vẫn được duy trì ở mức 7,0%/năm.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/04/2009, thay thế Quyết định số 378/QĐ-NHNN ngày 24/02/2009.

### Bổ sung đối tượng được hỗ trợ lãi suất cho vay

Ngày 10/03/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 333/QĐ-TTg, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất – kinh doanh.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ bổ sung thêm đối tượng được hỗ trợ lãi suất cho vay là công ty tài chính (trừ công ty tài chính chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực tiêu dùng và lĩnh vực thẻ theo quy định của pháp luật) thực hiện đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, trích lập và dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng và có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tín dụng dưới 5%.

Như vậy, các công ty tài chính theo quy định trên cũng sẽ được hưởng mức lãi suất hỗ trợ cho vay là 4%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay thực tế nằm trong khoảng thời gian từ ngày 01/02 đến 31/12/2009...

Ngoài ra, ngành khai thác mỏ cũng sẽ được hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (vốn lưu động) bằng đồng Việt Nam.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

#### Quy định về cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá

Ngày 02/03/2009, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 03/2009/TT-NHNN, quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng.

Theo đó, cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá là hình thức cho vay của NHNN đối với các ngân hàng trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá thuộc sở hữu của ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Lãi suất cho vay cầm cố là lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi thực hiện cho vay cầm cố đối với các ngân hàng tại thời điểm giải ngân khoản vay và duy trì trong suốt thời hạn cho vay. Trường hợp dư nợ vay cầm cố bị chuyển sang nợ quá hạn thì ngân hàng phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ghi trên hợp đồng tín dụng. Mức cho vay tối đa không vượt quá giá trị giấy tờ có giá làm bảo đảm được quy định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Việc cho vay cầm cố của NHNN đối với các ngân hàng thực hiện theo các nguyên tắc:

(1) Khoản cho vay cầm cố được bảo đảm bằng các giấy tờ có giá được phát hành bằng đồng Việt Nam, được phép chuyển nhượng; có thời hạn còn lại tối thiểu bằng thời gian vay; giấy tờ có giá thuộc sở hữu hợp pháp của ngân hàng xin vay; (2) Cho vay cầm cố giấy tờ có giá nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các ngân hàng tạm thời thiếu hụt khả năng thanh khoản; (3) Ngân hàng được vay cầm cố phải hoàn trả vốn vay Ngân hàng Nhà nước (cả gốc và lãi) đầy đủ và đúng hạn.

Các ngân hàng có thể giao dịch trực tiếp với NHNN hoặc giao dịch gián tiếp thông qua hệ thống kết nối mạng vi tính để thực hiện vay cầm cố.

Điều kiện áp dụng cho vay cầm cố đối với các ngân hàng là ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép và không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt; Có giấy tờ có giá đủ tiêu chuẩn cầm cố theo quy định; Có hồ sơ đề nghị vay cầm cố tại NHNN theo đúng quy định tại Thông tư này; Không có dư nợ quá hạn tại NHNN tại thời điểm xin vay; Có cam kết về sử dụng tiền vay cầm cố đúng mục đích và trả nợ (gốc và lãi) cho NHNN đúng thời gian quy định. Thời hạn tối đa mà NHNN cho vay cầm cố đối với các ngân hàng là 1 năm (365 ngày), tính cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết. Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét gia hạn khoản vay cầm cố trong trường hợp đặc biệt, nhưng thời gian gia hạn không vượt quá thời hạn cho vay lần đầu.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/04/2009 và thay thế Quyết định số 1452/2003/QĐ-NHNN ngày 03/11/2003; Quyết định số 94/2004/QĐ-NHNN ngày 02/01/2004; Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1909/QĐ-NHNN ngày 30/12/2005.

#### Điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam

Ngày 24/02/2009, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Quyết định số 379/QĐ-NHNN, điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng.

Theo đó, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, áp dụng đối với một số hình tổ chức tín dụng, bao gồm các ngân hàng thương mại nhà nước; ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; ngân hàng TMCP đô thị; ngân hàng liên doanh; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; ngân hàng 100% vốn nước ngoài và công ty tài chính áp, được điều chỉnh từ 5% (theo quy định cũ) xuống còn 3% trên tổng số dư tiền gửi. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP nông thôn, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và Ngân hàng hợp tác áp dụng mức dự trữ bắt buộc chung là 1% trên tổng số dư tiền gửi (mức áp dụng trước đây với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 2%).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn trên 12 tháng; tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 12 tháng và có kỳ hạn trên 12 tháng vẫn giữ ở mức cũ.

Quyết định này có hiệu lực từ kỳ duy trì dự trữ bắt buộc tháng 3/2009, thay thế Quyết định số 3158/QĐ-NHNN ngày 19/12/2008 và điều 2 Quyết định số 2951/QĐ-NHNN ngày 03/12/2008.

Cùng ngày, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng ban hành Quyết định số 378/QĐ-NHNN, công bố mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

Theo đó, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam vẫn được duy trì ở mức 7%/năm. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/03/2009, thay thế Quyết định số 172/QĐ-NHNN ngày 23/01/2009.

## **XÂY DỰNG**

#### Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng

Ngày 27/02/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2009/NĐ-CP, về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Theo đó, hình thức phạt chính là phạt tiền với mức phạt tối đa là 500 triệu đồng. Các hình thức phạt bổ sung được áp dụng, bao gồm thu, tước quyền sử dụng Giấy phép xây dựng; tịch thu tang vật được sử dụng để vi phạm.

Các chủ đầu tư vi phạm về trật tự xây dựng như tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép; tổ chức thi công sai thiết kế đã phê duyệt; xây dựng sai quy hoạch chi tiết đã phê duyệt đối với công trình xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng..., sau khi có quyết định đình chỉ thi công của cấp có thẩm quyền mà vẫn tái phạm thì tùy theo mức độ vi phạm, quy mô công trình vi phạm, sẽ bị xử phạt từ 300 đến 500 triệu đồng và bị tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng (nếu có).

Các hành vi như tự thực hiện khảo sát xây dựng khi không đủ điều kiện năng lực, không thực hiện giám sát khảo sát xây dựng hoặc không tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng sẽ bị phạt tiền từ 30 đến 40 triệu đồng.

Đối với các nhà thầu, nếu vi phạm một trong những hành vi như nghiệm thu khống; bàn giao công trình khi chưa tổ chức nghiệm thu theo quy định; báo cáo tài liệu, số liệu khảo sát không trung thực và không đúng quy định dẫn tới phải điều chỉnh thiết kế 2 lần trở lên... sẽ bị phạt từ 80 đến 100 triệu đồng.

Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, các hành vi bán, cho thuê mua bất động sản thuộc diện phải qua Sàn giao dịch bất động sản mà không thông qua Sàn giao dịch; kinh doanh các bất động sản không đủ điều kiện hoặc không được phép đưa vào kinh doanh ... bị phạt từ 60 đến 70 triệu đồng.

Trong lĩnh vực khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, mức phạt tiền là từ 40 đến 50 triệu đồng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng không có tiêu chuẩn chất lượng hoặc không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đã được công bố; kinh doanh vật liệu xây dựng nhập khẩu không có xuất xứ....

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/05/2009, thay thế Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004.

#### [Hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở](#)

Ngày 25/02/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 01/2009/TT-BXD, quy định một số nội dung về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và hướng dẫn mẫu hợp đồng mua bán căn hộ chung cư trong dự án đầu tư xây dựng của tổ chức kinh doanh nhà ở.

Theo đó, tổ chức kinh doanh nhà ở (Bên bán) có trách nhiệm làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ chung cư cho Bên mua.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu tòa nhà chung cư, Bên bán phải hoàn thành và nộp hồ sơ cơ sở (hồ sơ được lập chung cho tất cả căn hộ) cho cơ quan cấp giấy chứng nhận kèm theo các giấy tờ như giấy chứng nhận đầu tư, bản quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định giao đất, bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở, danh mục các căn hộ...

Sau khi Bên mua hoàn thành thanh toán tiền mua theo hợp đồng mua bán, trong thời hạn 30 ngày, Bên bán phải hoàn thành và nộp hồ sơ của từng căn hộ cho cơ quan cấp giấy chứng nhận, bao gồm đơn đề nghị cấp mới giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; Hợp đồng mua bán căn hộ do hai bên ký kết, biên lai thu các khoản lệ phí phải nộp liên quan; bản sao văn bản xác nhận của sàn giao dịch BĐS về căn hộ đã được giao dịch quan sản. Trong đó, hợp đồng mua bán căn hộ phải ghi rõ diện tích sở hữu chung và sở hữu riêng, diện tích sàn căn hộ bao gồm cả ban công và lô gia (nếu có); giá bán căn hộ bao gồm cả kinh phí bảo trì phần sở hữu chung ( 2% tiền bán căn hộ) và dự kiến mức phí vận hành quản lý nhà chung cư phải đóng góp. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận chủ sở hữu căn hộ chung cư là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08/04/2009, bãi bỏ các quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với căn hộ chung cư tại Thông tư số 05/2006/TT-BXD ngày 01/11/2006.

## **QUY ĐỊNH KHÁC**

### [Xử phạt hành chính đối với dịch vụ Internet](#)

Ngày 20/03/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2009/NĐ-CP, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử Internet.

Theo đó, hình thức xử phạt đối với mỗi hành vi vi phạm là cảnh cáo hoặc phạt tiền, đồng thời có thể bị tước quyền sử dụng các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; tịch thu tang vật; phương tiện được sử dụng để vi phạm. Người nước ngoài vi phạm hành chính còn có thể bị xử phạt trục xuất.

Các vi phạm như ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ Internet mà không thông báo cho người sử dụng dịch vụ biết trước, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc từ chối cung cấp dịch vụ Internet khi không có lý do chính đáng; phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khi cung cấp đường truyền dẫn viễn thông hoặc phân tách mạch vòng nội hạt sẽ bị phạt từ 5 triệu đến 10 triệu đồng.

Các tổ chức, cá nhân làm đại lý dịch vụ điện thoại Internet cho doanh nghiệp nước ngoài sẽ bị phạt tiền từ 20 triệu đến 30 triệu đồng và tịch thu tang vật, phương tiện.

Các đại lý Internet sẽ bị phạt tiền từ 1 – 2 triệu đồng nếu để khách hàng sử dụng dịch vụ ngoài giờ quy định, thiết lập hệ thống thiết bị Internet ngoài địa điểm đã đăng ký trong hợp đồng để làm đại lý Internet... Mức phạt cao nhất là 5 triệu đồng đối với hành vi không ký hợp đồng đại lý đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ Internet cho người sử dụng không thu cước; hoặc để người sử dụng dịch vụ vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

Nếu cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến hoặc làm đại lý cung cấp dịch vụ này tại Việt Nam khi chưa được phép hoặc để người sử dụng cung cấp các nội dung bị cấm trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi sẽ bị phạt từ 30-50 triệu đồng.

Mức phạt cao nhất có thể lên tới 70 triệu đồng đối với các hành vi thiết lập hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép cung cấp dịch vụ Internet trên 30 ngày; xuất bản báo điện tử không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép trên 30 ngày.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/05/2009

#### [Hướng dẫn cơ chế hình thành Quỹ bình ổn giá xăng dầu](#)

Ngày 23/03/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2009/TT-BTC, hướng dẫn cơ chế hình thành, sử dụng, quyết toán Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

Theo đó, giá bán lẻ xăng dầu trong nước được tính toán dựa trên nguyên tắc giá nhập khẩu tại thị trường Singapore cộng thêm các khoản chi phí vận chuyển, bảo hiểm, thuế, phí... Trong đó, phí đối với mỗi lít xăng, dầu hỏa, diesel tối đa là 600 đồng/lít, mazut 400 đồng/kg cộng thêm lợi nhuận tối đa 300 đồng/lít (kg) và một khoản tiền trích cho Quỹ bình ổn giá khoảng 500 đồng/lít.

Tổng mức trích, lập Quỹ bình ổn giá được cộng dồn từ mức trích quy định trên của tổng khối lượng xăng dầu thực tế đã bán trong tháng, trong năm của mỗi doanh nghiệp. Số tiền được lấy từ quỹ sẽ được sử dụng vào mục đích điều hoà giá thị trường, bình ổn giá bán lẻ trong nước khi giá thế giới có những biến động tăng giảm bất thường.

Căn cứ vào các khoản chi phí này, quý IV hàng năm, doanh nghiệp đầu mỗi phải đưa ra dự báo mức giá trên thị trường thế giới bình quân trong khoảng 3 tháng để tính toán giá bán lẻ trong nước. Nếu giá thế giới giảm mạnh, doanh nghiệp lãi trên 500 đồng/lít xăng thì phải chủ động giảm giá bán lẻ trong nước với mức giảm không hạn chế. Còn khi giá thế giới tăng mạnh và doanh nghiệp bị lỗ, khoản tiền lỗ này sẽ được trích từ Quỹ bình ổn giá để bù cho doanh nghiệp.

Trong trường hợp giá tiếp tục tăng mạnh dẫn đến khoản bù lỗ vượt quá sức chịu đựng của Quỹ, doanh nghiệp được điều chỉnh giá bán nhưng mức tăng cho mỗi lần không vượt quá 500 đồng/lít.

Định kỳ vào ngày cuối tháng hàng quý, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mỗi gửi báo cáo đến Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về tình hình thu, chi và tồn Quỹ bình ổn giá tại thời điểm báo cáo. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/3/2009.

#### [Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán](#)

Ngày 11/03/2009, liên Bộ Tài chính - Bộ Công an đã ban hành Thông tư liên tịch số 46/2009/TTLT-BTC-BCA, hướng dẫn phối hợp xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Theo đó, trường hợp trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự nguyện, kịp thời bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK, kịp thời khai báo rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc thanh tra, điều tra vụ việc, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của hành vi phạm tội, thì cũng có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

UBCKNN và Cơ quan điều tra có trách nhiệm phối hợp phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK, bao gồm các hành vi lập hồ sơ đăng ký giả mạo để chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm yết chứng khoán trên thị trường gây hậu quả nghiêm trọng; hoạt động kinh doanh chứng khoán lợi dụng chức trách, nhiệm vụ để sử dụng tiền, chứng khoán trên tài sản của khách hàng khi chưa được khách hàng uỷ thác gây hậu quả nghiêm trọng...; Vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán gây hậu quả nghiêm trọng; Cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc tạo dựng, tuyên truyền thông tin sai sự thật để trục lợi gây ảnh hưởng đến TTCK, gây lũng đoạn thị trường giao dịch chứng khoán, gây hậu quả nghiêm trọng...

Đối với trường hợp đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, sau đó phát hiện hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải huỷ quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày huỷ quyết định phải chuyển hồ sơ xử lý vi phạm cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền kiến nghị khởi tố theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25/04/2009.

#### [Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán](#)

Ngày 16/3/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2009/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trên TTCK.

Theo đó, dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến là dịch vụ do các Công ty chứng khoán cung cấp cho nhà đầu tư để mở tài khoản, đặt lệnh, đưa ra yêu cầu đối với các giao dịch chứng khoán, hoặc nhận kết quả giao dịch thông qua mạng Internet hoặc điện thoại. Các chứng khoán được phép thực hiện dịch vụ giao dịch trực tuyến là các chứng khoán được giao dịch trên SGDCK. Công ty chứng khoán phải tạo một trang thông tin điện tử với địa chỉ xác định trên mạng Internet đóng vai trò như một cổng vào cho dịch vụ giao dịch trực tuyến. Các dữ liệu như chứng từ điện tử, phiếu lệnh điện tử và ghi âm các cuộc điện thoại đặt lệnh của khách hàng phải được lưu trữ ít nhất 10 năm.

Công ty chứng khoán có trách nhiệm cung cấp thường xuyên các văn bản đối chiếu về các hoạt động giao dịch điện tử cho các khách hàng sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến và không được phép cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến về chuyển nhượng các nguồn lực tài chính, chuyển nhượng và uỷ thác mua bán chứng khoán.

Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến phải là Công ty chứng khoán thành viên của SGDC và phải đăng ký chấp thuận với UBCKNN. UBCKNN và SGDC có trách nhiệm công bố trên website của mình danh sách các công ty đủ điều kiện, được phép cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.

Tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán có hành vi vi phạm pháp luật tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Nghị định 27/2007/NĐ-CP, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác liên quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/04/2009. Các Công ty chứng khoán đã cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến phải hoàn thành thủ tục đăng ký chấp thuận với UBCKNN trong vòng 6 tháng kể từ khi Thông tư có hiệu lực thi hành.

#### [Điều chỉnh giá cước dịch vụ thư cơ bản](#)

Ngày 06/03/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2009/QĐ-TTg, phê duyệt phương án điều chỉnh giá cước dịch vụ thư cơ bản (thư thường) trong nước đến 20 gram.

Theo đó, giá cước dịch vụ thư cơ bản sẽ được điều chỉnh theo lộ trình với 3 giai đoạn.

Mức giá cước của một thư thường đến 20gram trong giai đoạn từ năm 2009 đến hết năm 2010 là 2.000 đồng; từ năm 2011 đến hết năm 2010 bằng 80% giá thành dịch vụ; từ sau năm 2012 trở đi thì bằng với giá thành dịch vụ.

Mức giá cước trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/05/2009, bãi bỏ Quyết định số 810/2000/QĐ-TCBD ngày 15/9/2000.

#### [Hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật](#)

Ngày 05/03/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2009/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đó, thì các văn bản quy phạm pháp luật là Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có nội dung liên quan hoặc ảnh hưởng đến thương mại hàng hoá, dịch vụ và sở hữu trí tuệ phải được dịch sang tiếng Anh, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật của nhà nước. Bản dịch này phải được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ trong thời gian chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày văn bản được đăng Công báo và có giá trị tham khảo.

Ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể tại văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo phải dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản trong dự thảo văn bản trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để công chúng có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thực hiện văn bản.

Nếu việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm hơn dự kiến, Văn phòng Chính phủ phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản sau khi Thủ tướng Chính phủ ký ban hành. Ngày ký ban hành văn bản là ngày Văn phòng Chính phủ phát hành văn bản đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm lập danh mục các văn bản và các quy định hết hiệu lực thi hành; danh mục văn bản còn hiệu lực, các quy định cần được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ thuộc lĩnh vực do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ do mình phụ trách và định kỳ 6 tháng/lần, gửi đăng Công báo danh mục văn bản, quy định đã hết hiệu lực thi hành.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/04/2009, thay thế Nghị định số 161/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005.

#### [Ban hành biểu giá bán điện năm 2009](#)

Ngày 26/02/2009, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 05/2009/TT-BCT, quy định về giá bán điện năm 2009 và hướng dẫn thực hiện.

Theo đó, giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt được tính lũy tiến theo 7 bậc như sau: 50kWh đầu tiên giá 600đ/kWh; từ 51-100 kWh tiếp theo giá 865đ/kWh; từ 101-150 kWh tiếp theo giá 1.135đ/kWh; từ 151-200 kWh tiếp theo giá 1.495đ/kWh; từ 201-300 kWh tiếp theo giá 1.620đ/kWh; 301-400 kWh tiếp theo giá 1.740đ/kWh và từ kWh 401 trở lên tính giá 1.790đ/kWh (giá chưa bao gồm VAT).

Giá bán buôn điện sinh hoạt cho khu tập thể, cụm dân cư tại thành phố, thị xã, thị trấn, huyện lỵ cũng được tính lũy tiến bậc thang.

Giá thấp nhất là giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn với giá cho 50 kWh đầu tiên là 420đ/kWh và cho kWh từ 401 trở lên giá 1.345đ/kWh.

Ngoài ra, giá bán điện cho khu công nghiệp, kinh doanh, sản xuất, bơm nước tưới tiêu được xác định trên cấp điện áp và thời gian sử dụng trong ngày. Trong đó, thời gian sử dụng điện trong ngày được chia làm 3 loại: Giờ thấp điểm là từ 22h 00 đến 04h 00 sáng hôm sau; giờ cao điểm là từ 09h 30 đến 11h 30 và 17h 00 đến 20h 00 các ngày từ thứ 2 đến thứ 7; các thời gian còn lại của khung giờ trên là giờ bình thường.

Giá bán lẻ điện cho sản xuất thấp nhất là 455 đ/kWh vào giờ thấp điểm với cấp điện áp từ 110kV trở lên, cao nhất là 1.900 đ/kWh vào giờ cao điểm với cấp điện áp dưới 6kV. Giá bán lẻ điện cho kinh doanh dao động ở mức 2.830 - 3.100 đ/kWh trong giờ cao điểm, thấp nhất là 835 đ/kWh vào giờ thấp điểm với mức điện áp từ 22kV trở lên.

Đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp, giá bán điện được áp dụng theo cấp điện áp với mức giá cao nhất là 1.135 đ/kWh với cấp điện áp dưới 6 kV và thấp nhất là 950 đ/kWh với cấp điện áp từ 6 kV trở lên cho đối tượng sử dụng là bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2009, thay thế cho Thông tư số 11/2006/TT-BCN ngày 20/12/2006, Quyết định số 45/2006/QĐ-BCN ngày 14/12/2006, Quyết định số 15/2007/QĐ-BCT ngày 31/12/2007.

## Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 03/2009

Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/03	16.972	17/03	16.977
03/03	16.970	18/03	16.976
04/03	16.969	19/03	16.978
05/03	16.971	20/03	16.981
06/03	16.973	21/03	16.980
07/03	16.972	25/03	16.978
10/03	16.975	26/03	16.975
11/03	16.977	27/03	16.970
12/03	16.976	28/03	16.963
13/03	16.974	31/03	16.954
14/03	16.975	-	-

## Danh mục các văn bản mới trong tháng 02 và 03/2009

### Chính phủ

- CV số 1883/VPCP-ĐMDN (25/03/2009) về việc giải quyết lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước.
- ☞ ND số 28/2009/NĐ-CP (20/03/2009) về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.
- NĐ số 29/2009/NĐ-CP (26/03/2009) về việc đăng ký và mua, bán tàu biển.
- QĐ số 24/2009/QĐ-CP (05/03/2009) về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- QĐ 44/2009/QĐ-TTg (26/03/2009) về việc ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.
- QĐ 365/QĐ-TTg (20/03/2009) về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Luật Cán bộ, công chức.
- CV 402/TTg-QHQT (16/03/2009) về việc phê duyệt danh mục Dự án do UNDP tài trợ.
- CV 1706/VPCP-KTN (19/03/2009) về việc áp dụng một số cơ chế đặc thù để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình.
- ☞ ND số 26/2009/NĐ-CP (16/03/2009) về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- ☞ QĐ số 37/2009/QĐ-TTg (06/03/2009) về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giá cước dịch vụ cơ bản (thu thường) trong nước đến 20gram
- QĐ số 38/2009/QĐ-TTg (09/03/2009) về việc ban hành bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.
- QĐ số 325/QĐ-TTg (09/03/2009) về việc giao dự toán thu, chi năm 2009 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
- QĐ số 33/QĐ-TTg (10/03/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 131/QĐ-TTg (23/01/2009) về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất – kinh doanh.

14. ☞ND số 23/2009/NĐ-CP (27/02/2009) về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.
15. ☞QĐ số 33/2009/QĐ-TTg (02/03/2009) về ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu.
16. ☞CV 1131/VPCP-KTTH (23/02/2009) về việc không thu lệ phí cấp C/O.
17. NĐ 18/2009/NĐ-CP (18/02/2009) về sửa đổi, bổ sung một số điều NĐ số 97/2007/NĐ-CP (07/6/2007) quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành QĐ hành chính trong lĩnh vực hải quan.
18. ☞QĐ số 30/2009/QĐ-TTg (23/02/2009) về việc hỗ trợ đối với người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế.

### Bộ Tài chính

1. ☞CV số 2665/BTC-TCT (10/03/2009) về việc thực hiện TT số 134/2008/TT-BTC (31/12/2008).
2. ☞CV số 3046/BTC-TCT (20/03/2009) về việc điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
3. ☞CV số 4125/BTC-TCT (23/03/2009) về việc thu thuế thu nhập đối với hoạt động chuyển quyền thuê đất trong KCN, KCX.
4. QĐ 562a/QĐ-BTC (20/03/2009) về việc đính chính TT số 23/2009/TT-BTC (05/02/2009).
5. QĐ 596/QĐ-BTC (26/03/2009) về việc đính chính TT số 131/2008/TT-BTC (26/12/2008).
6. TT 41/TT-BTC (09/03/2009) về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam.
7. TT 54/TT-BTC (18/03/2009) về việc hướng dẫn lập, sử dụng và quản lý quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài.
8. TT 55/TT-BTC (20/03/2009) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 101/200/TT-BTC (11/11/2008) hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại Cảng vụ đường thủy nội địa.
9. TT 56/TT-BTC (23/03/2009) về việc hướng dẫn cơ chế hình thành, sử dụng, quyết toán Quỹ Bình ổn giá xăng dầu.
10. TT 58/TT-BTC (25/03/2009) về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng sắt thép trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
11. ☞CV số 2348/BTC-TCT (03/03/2009) về việc ưu đãi thuế TNCN.
12. ☞CV số 2349/BTC-TCT (03/03/2009) về việc tạo lập quỹ dự phòng tiền lương, khi xác định thu nhập chịu thuế.
13. CV số 2492/BTC-TCT (06/03/2009) về việc hướng dẫn về thủ tục áp dụng Hiệp định thuế đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.
14. QĐ số 433/QĐ-BTC (04/03/2009) về việc đính chính số hiệu TT số 16/2008/TT-BTC (22/01/2009).
15. QĐ số 497/QĐ-BTC (10/03/2009) về việc công bố danh sách các tổ chức tư vấn định giá đăng ký mới được phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
16. TT số 37/2009/TT-BTC (26/02/2009) hướng dẫn về việc không thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).
17. TT số 45/2009/TT-BTC (11/03/2009) hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở sản xuất thủy điện.
18. TT số 49/2009/TT-BTC (12/03/2009) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với quỹ đầu tư phát triển địa phương.
19. ☞TT số 50/2009/TT-BTC (16/03/2009) hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.
20. TT số 51/2009/TT-BTC (17/03/2009) về việc sửa đổi mã số và mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với nhóm 44.02 trong Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
21. ☞TT số 52/2009/TT-BTC (17/03/2009) điều chỉnh mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
22. TT số 54/2009/TT-BTC (18/03/2009) hướng dẫn lập, sử dụng và quản lý quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài.
23. CV số 2172/BTC-CST (25/02/2009) về việc thời điểm hiệu lực QĐ số 123/2008/QĐ-BTC.
24. ☞TT số 39/2009/TT-BTC (03/03/2009) về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng trong biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
25. CV 1883/BTC-BTC (19/02/2009) về việc quản lý hàng cư dân biên giới trong định mức miễn thuế hàng hóa nhập khẩu.
26. ☞TT 33/2009/TT-BTC (19/02/2009) về hướng dẫn thực hiện mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

### Bộ Lao động Thương binh xã hội

1. CV số 850/LĐTBXH-LĐTL (23/03/2009) về việc xếp hạng công ty cổ phần.
2. CV số 852/LĐTBXH-LĐTL (26/03/2009) về việc áp dụng mức lương tối thiểu
3. CV số 797/LĐTBXH-LĐTL (18/03/2009) về việc lập quỹ dự phòng tiền lương khi xác định thu nhập chịu thuế.
4. CV số 822/LĐTBXH-LĐTL (20/03/2009) về việc thuế thu nhập đối với quỹ dự phòng tiền lương và xây dựng đơn giá tiền lương năm 2009.
5. CV số 373/LĐTBXH-PC (12/02/2009) về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Massage.
6. CV số 454/LĐTBXH-LĐTL (19/02/2009) về việc bảo lưu hệ số lương đối với viên chức quản lý.

**Bộ Xây dựng**

- CV số 223/BXD-KTXD (20/02/2009) về việc hướng dẫn thực hiện giảm tỷ lệ giữ lại chờ quyết toán khi hoàn thành các dự án thực hiện theo cơ chế 797-400.
- CV số 36/BXD-KTXD (24/02/2009) về việc dự toán chi phí xây dựng công trình.
- TT số 01/2009/TT-BXD (25/02/2009) quy định một số nội dung về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và hướng dẫn mẫu hợp đồng mua bán căn hộ chung cư trong dự án đầu tư xây dựng của tổ chức kinh doanh nhà ở.

**Bộ Công thương**

- TT số 04/2009/TT-BCT (20/02/2009) về việc hướng dẫn việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2009 với thuế suất nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào.
- TT số 05/2009/TT-BCT (26/02/2009) quy định về giá bán điện năm 2009 và hướng dẫn thực hiện.

**Liên bộ**

- TT liên tịch số 46/2009/TTLT-BTC-BCA (11/03/2009) hướng dẫn phối hợp xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- TT liên tịch số 35/2009/TTLT-BTC-BCA (25/02/2009) về hướng dẫn thực hiện một số điều của ND số 103/2008/ND-CP (16/9/2008) về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

**Ngân hàng Nhà nước**

- QĐ số 622/QĐ-NHNN (23/03/2009) về việc ban hành một số quy định liên quan đến giao dịch ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối
- QĐ số 626/QĐ-NHNN (24/03/2009) về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam
- TT số 04/2009/TT-NHNN (13/03/2009) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 02/2009/TT-NHNN (03/02/2009) quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất chi các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất – kinh doanh.
- TT 03/2009/TT-NHNN (02/03/2009) quy định về việc cho vay vốn có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá Việt Nam đối với các ngân hàng.
- QĐ số 378/QĐ-NHNN (24/02/2009) về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.
- QĐ số 379/QĐ-NHNN (24/02/2009) về điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng.

**Tổng Cục thuế**

- CV số 770/TCT-TNCN (06/03/2009) về việc đăng ký thuế TNCN.
- CV số 778/TCT-TNCN (09/03/2009) về việc hướng dẫn tờ khai thuế TNCN.
- CV số 911/TCT-CS (17/03/2009) về việc xác định ngành nghề ưu đãi về thuế TNDN.
- CV số 916/TCT-CS (17/03/2009) về việc triển khai thực hiện Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.
- CV số 438/TCT-TNCN (10/02/2009) về việc chính sách thuế thu nhập cá nhân trúng thưởng đối với cá nhân trúng thưởng xổ số, đại lý xổ số.
- CV số 626/TCT-TVQT (26/02/2009) về việc sử dụng chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân.
- CV số 627/TCT-TVQT (26/02/2009) về việc phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ tự in.
- CV số 701/TCT-CS (04/03/2009) về việc thuế suất thuế GTGT của hoạt động nạo vét.
- CV số 706/TCT-TNCN (04/03/2009) về việc thuế TNCN.
- CV số 735/TCT-TNCN (05/03/2009) về việc chính sách thuế đối với khoản lãi cho vay của cá nhân.
- CV số 737/TCT-TNCN (05/03/2009) về việc hướng dẫn chính sách thuế TNCN.
- CV số 738/TCT-CS (05/03/2009) về việc sử dụng vé, hóa đơn đường sắt tự in.
- CV số 757/TCT-PC (06/03/2009) về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế đối với trường hợp người nộp thuế kê khai, xác định nghĩa vụ thuế chưa đúng do hướng dẫn của cơ quan Thuế..
- CV số 827/TCT-TNCN (11/03/2009) về việc thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng.
- CV số 842/TCT-KK (12/03/2009) về việc xử lý thuế đối với các khoản truy thu và phạt khâu nhập khẩu.
- CV 523/TCT-CS (17/02/2009) về việc thuế GTGT.
- CV số 540/TCT-CS (18/02/2009) về việc thu tiền sử dụng đất tại nông thôn miền núi.
- CV số 544/TCT-CS (18/02/2009) về việc thuế GTGT.
- CV số 561/TCT-TNCN (19/02/2009) về việc chính sách thuế thu nhập của Văn phòng luật sư.
- CV số 595/TCT-TNCN (23/02/2009) về việc thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- CV số 626/TCT-TVQT (26/02/2009) về việc sử dụng chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân.
- CV số 627/TCT-CS (26/02/2009) về việc phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ tự in.
- CV số 664/TCT-TNCN (02/03/2009) về việc thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập có nguồn gốc phát sinh năm 2008 nhưng chỉ trả năm 2009.

**Tổng Cục Hải quan**

1. CV số 771/TCHQ-HTQT (09/03/2009) về việc hướng dẫn nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn theo Hiệp định thuế Việt Nam – Hàn Quốc.
2. CV số 1120/TCHQ-KTTT (03/03/2009) về việc xử lý thuế GTGT hàng nhập khẩu phục vụ quốc phòng.
3. CV số 1185/TCHQ-GSQL (06/03/2009) về việc thuê mượn thiết bị giữa 2 doanh nghiệp chế xuất
4. CV số 1235/TCHQ-GSQL (10/03/2009) về việc vướng mắc thực hiện TT số 07/2007/TTLT-BTM-BTC đối với hàng khuyến mại.
5. CV số 1347/TCHQ-GSQL (12/03/2009) về việc thủ tục mua bán hàng hóa với doanh nghiệp chế xuất.
6. CV số 1369/TCHQ-KTTT (13/03/2009) về việc thuế GTGT đối với máy móc thiết bị tạo tài sản cố định.
7. CV số 1383/TCHQ-GSQL (16/03/2009) về việc chuyển cửa khẩu hàng hóa từ kho CFS về kho ngoại quan.
8. CV số 1422/TCHQ-KTTT (16/03/2009) về việc xử lý đăng ký Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.
9. CV số 1534/TCHQ-KTTT (23/03/2009) về việc miễn thuế nhập khẩu dự án ưu đãi đầu tư.
10. CV số 1146/TCHQ-GSQL (05/03/2009) về việc đăng ký hợp đồng gia công thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.
11. CV số 1163/TCHQ-GSQL (05/03/2009) về việc xác nhận tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu.
12. CV số 1203/TCHQ-KTTT (09/03/2009) về việc đính chính CV số 6180/TCHQ-KTTT và CV số 806/TCHQ-KTTT
13. CV số 817/TCHQ-GSQL (18/02/2009) về việc trả lời vướng mắc thủ tục hải quan đối với hàng hóa mua bán ba bên.
14. CV số 870/TCHQ-GSQL (20/02/2009) về việc vướng mắc thủ tục liên quan đến nhập khẩu hàng hóa tạo TSCĐ.
15. CV số 873/TCHQ-GSQL (20/02/2009) về việc vướng mắc thủ tục Hải quan đối với hàng hóa đăng ký tờ khai một lần.
16. CV số 876/TCHQ-GSQL (20/02/2009) về việc làm thủ tục tạm nhập – tại xuất xe mô tô.
17. CV số 880/TCHQ-GSQL (20/02/2009) về việc tạm nhập tái xuất kho ngoại quan đối với sản phẩm hàng hóa xuất khẩu.
18. CV số 1031/TCHQ-KTTT (26/02/2009) về việc miễn thuế đối với hàng bảo hành.
19. CV số 1052/TCHQ-GSQL ngày 27/02/2009) về việc tạm nhập tái xuất thiết bị chuyên dụng có thời hạn.
20. CV số 1063/TCHQ-KTTT (27/02/2009) về việc xử lý vướng mắc đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.
21. CV số 1068/TCHQ-GSQL (02/03/2009) về việc phân loại mặt hàng tủ đông lạnh bảo quản.
22. CV số 1077/TCHQ-KTTT (02/03/2009) về việc trị giá tính thuế đối với xe ô tô nhập khẩu.
23. CV số 1146/TCHQ-GSQL (04/03/2009) về việc thủ tục nhập kho ngoại quan.
24. CV 791/TCHQ-KTTT (17/02/2009) về việc thuế GTGT đối với máy móc thiết bị, tạo TSCĐ.
25. CV 782/TCHQ-GSQL (17/02/2009) về việc trả lời vướng mắc NK phụ tùng ô tô đã qua sử dụng để gia công cho thương nhân nước ngoài.
26. CV 806/TCHQ-KTTT (17/02/2009) về việc xử lý vướng mắc khi thực hiện CV số 6180/TCHQ-KTTT.
27. CV 808/TCHQ-KTTT (17/02/2009) về việc kiểm tra hồ sơ hoàn thuế tại doanh nghiệp.

Nếu bạn đọc cần thêm thông tin cũng như có ý kiến đóng góp, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo các địa chỉ sau:

**Trụ sở chính:**

217 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng  
Tel: (0511)3655886-105 Fax: (0511)3655887  
Website: <http://www.aac.com.vn>  
E-mail: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)

Phan Xuân Vạn  
Lê Khắc Minh  
Nguyễn Trọng Hiếu  
Trần Thị Nở

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Biên tập viên

Bản tin này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC.

AAC sẵn sàng cung cấp miễn phí các văn bản được nêu trong Bản tin cho các khách hàng thường xuyên của Công ty. Đối với các khách hàng khác, chúng tôi có thể tính một khoản phí để trang trải các chi phí hành chính. Mức phí cụ thể được quy định như sau:

- Nếu đặt mua cả năm: 350.000 đồng (12 số);
- Nếu mua không thường xuyên: 30.000 đồng/số.

Ngoài những thông tin được tóm tắt trên Bản tin định kỳ, nếu bạn đọc nào muốn được cung cấp thêm những thông tin đầy đủ thì mức phí được tính như sau:

- Cung cấp miễn phí đối với bạn đọc đặt mua cả năm trong trường hợp gửi qua Email, còn trường hợp gửi qua Bưu điện hoặc Fax thì mức phí được tính 1.500 đồng/trang;
- Đối với bạn đọc khác được cung cấp trực tiếp tại văn phòng Công ty Kiểm Toán & Kế toán (AAC), giá 2.000 đồng/trang.

Xin vui lòng thông báo ngay những thay đổi liên quan đến địa chỉ liên hệ của bạn để chúng tôi có thể

